**Phụ lục II**

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG TRONG LĨNH VỰC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Kèm theo Quyết định số: 1609 /QĐ-UBND ngày 14 /7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

## Phần I
## DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (03 TTHC)

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện |
|---|---|---|
| 01 | Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ | - Ủy ban nhân dân tỉnh.<br>- Sở Khoa học và Công nghệ. |
| 02 | Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ | |
| 03 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ | |

## Phần II
## QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

**Các cụm từ viết tắt:**

- Ủy ban nhân dân: UBND
- Thủ tục hành chính: TTHC
- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Chuyển đổi số: CĐS
- Khoa học Công nghệ: KH&CN
- Nhân viên bưu điện: NVBĐ
- Bộ phận một cửa: BPMC
- Công chức Bộ phận một cửa: CCMC

**1. Nhóm 02 TTHC, gồm:**

**1.1. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.**

**1.2. Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.**

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

| Số TT | Trình tự | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|
| B1 | - Tiếp nhận hồ sơ;<br>- Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng CĐS. | CCMC tại TTPVHCC/NVBĐ | 0,5 ngày |
| B2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng CĐS | 0,5 ngày |
| B3 | Thẩm định hồ sơ:<br>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 05 ngày, nêu rõ lý do;<br>- Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày được phân công thụ lý;<br>- Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết). | Chuyên viên Phòng CĐS | 12,5 ngày |
| B4 | Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở | Lãnh đạo Phòng CĐS | 02 ngày |
| B5 | Xem xét, kiểm tra nội dung do phòng chuyên môn trình:<br>- Nếu đáp ứng yêu cầu: Ký duyệt vào văn bản chấp thuận;<br>- Nếu đáp ứng yêu cầu: Chuyển lại Lãnh đạo Phòng xử lý; | Lãnh đạo Sở KH&CN | 1,5 ngày |
| B6 | Phê duyệt, ký văn bản trình UBND tỉnh | Lãnh đạo Sở KH&CN | 0,5 ngày |
| B7 | Đóng dấu, phát hành Tờ trình | Văn thư Sở KH&CN | 0,5 ngày |
| B8 | Xem xét, quyết định, chuyển kết quả xử lý cho CCMC tại TTPVHCC | UBND tỉnh | 04 ngày |
| B9 | - Trả kết quả giải quyết;<br>- Thống kê, theo dõi. | CCMC tại TTPVHCC/NVBĐ | Không tính thời gian |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | | | **22 ngày** |

**2. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.**

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

| Số TT | Trình tự | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|
| B1 | - Tiếp nhận hồ sơ.<br>- Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng CĐS. | CCMC tại TTPVHCC/NVBĐ | 0,5 ngày |
| B2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng CĐS | 0,5 ngày |
| B3 | Thẩm định hồ sơ:<br>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 05 ngày, nêu rõ lý do;<br>- Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày được phân công thụ lý;<br>- Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết). | Chuyên viên Phòng CĐS | 5,5 ngày |
| B4 | Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở | Lãnh đạo Phòng CĐS | 02 ngày |
| B5 | Xem xét, kiểm tra nội dung do phòng chuyên môn trình:<br>- Nếu đáp ứng yêu cầu: Ký duyệt vào văn bản chấp thuận;<br>- Nếu đáp ứng yêu cầu: Chuyển lại Lãnh đạo Phòng xử lý. | Lãnh đạo Sở KH&CN | 1,5 ngày |
| B6 | Phê duyệt, ký văn bản trình UBND tỉnh | Lãnh đạo Sở KH&CN | 0,5 ngày |
| B7 | Đóng dấu, phát hành Tờ trình | Văn thư Sở KH&CN | 0,5 ngày |
| B8 | Xem xét, quyết định, chuyển kết quả xử lý cho CCMC tại TTPVHCC | UBND tỉnh | 03 ngày |
| B9 | - Trả kết quả giải quyết;<br>- Thống kê, theo dõi. | CCMC tại TTPVHCC/NVBĐ | Không tính thời gian |
| **Tổng thời gian giải quyết TTHC** | | | **14 ngày** |